

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 09/4/2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Ông Trần Q; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lệ T1; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng ông Trần Q và bà Nguyễn Thị Thu S thường xuyên mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng do ông làm chủ. Ngày 01/02/2016 ông Q và bà S chốt nợ với số tiền 232.253.000đ. Cùng ngày, bà S có ký sổ để vay tài sản là 25.000kg cà phê nhân. Sau ngày 01/2/2016 ông Q và bà S tiếp tục mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu, mỗi lần mua nợ đều ký nhận nợ vào sổ tay cá nhân của ông. Đầu năm 2024 ông yêu cầu trả nợ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu và trả số cà phê nhân đã vay nhưng ông Q và bà S hứa hẹn nhiều lần, đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2024 ông yêu cầu ông Q và bà S phải trả

305.883.000đ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ và 2.514.000đ lãi suất chậm trả; yêu cầu trả số cà phê nhân đã vay là 2.500kg.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã rút yêu cầu lãi suất, đồng thời thống nhất được việc trả nợ cà phê nhân quy ra tiền với giá $100.000\text{đ}/1\text{kg} \times 2500\text{kg} = 250.000.000\text{đ}$. Nay ông yêu cầu ông Q và bà S phải trả tổng số tiền 400.000.000đ, trong đó: Trả tiền mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu là 150.000.000đ và trả 2500kg cà phê nhân quy ra tiền là 250.000.000đ.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trần Q trình bày:

Ông Q và bà S thừa nhận có mua nợ phân bón và thuốc trừ sâu tại cửa hàng của ông Nguyễn Văn T. Mỗi lần mua nợ ông Q hoặc bà S đều ký nhận nợ vào sổ tay cá nhân của ông T, ngày 01/2/2016 bà S có chốt nợ số tiền 232.253.000đ. Năm 2023 bà S nhiều lần chuyển khoản trả tiền cho ông T, nhưng không nhớ số lần, số tiền đã trả. Ông Q và bà S còn thừa nhận có vay ông T 2.500kg cà phê nhân và sau ngày 01/02/2016 tiếp tục mua nợ phân bón và thuốc trừ sâu. Trước khi mở phiên tòa, bà S và ông T đã thống nhất số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu còn nợ là 120.000.000đ, thống nhất được việc trả nợ cà phê nhân quy ra tiền với giá là $100.000\text{đ}/1\text{kg} \times 2500\text{kg} = 250.000.000\text{đ}$. Nay ông T cho rằng tiền nợ còn lại là 150.000.000đ và yêu cầu phải trả tổng số tiền là 400.000.000đ, trong đó: Trả tiền mua nợ tài sản là 150.000.000đ và trả 2500kg cà phê nhân quy ra tiền là 250.000.000đ, bà S không phản đối.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời có văn bản trình bày ý kiến đồng ý với nội dung mà ông T và bà S đã thỏa thuận và thống nhất được trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự có mặt đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi tiền vay của ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu + lãi suất do chậm trả và yêu cầu trả tài sản là 2500kg cà phê nhân đã vay. Bị đơn cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa

án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Trần Q và bà Nguyễn Thị Thu S phải thanh toán tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ và phải trả tài sản là cà phê nhân đã vay. Ông Q và bà S thừa nhận mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng của ông T và có vay của ông T 2.500kg cà phê nhân; thừa nhận chữ số và nội dung nợ mà ông Nguyễn Văn T ghi chép trong sổ tay và giao nộp cho Tòa án đúng, chữ ký chữ viết họ tên Trần Q và Nguyễn Thị Thu S tại giấy là của bị đơn. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Điều 430 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán”.

Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[2.2] Tại phiên hòa giải ngày 21/3/2025, ông T và bà S đã thống nhất được số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 120.000.000đ và trả tài sản 2.500kg cà phê nhân bằng tiền mặt với số tiền là 250.000.000đ. Bà S đồng ý trả cho ông T số tiền 370.000.000đ trong nhiều năm, mỗi năm trả 25.000.000đ và trả vào ngày 25/12 mỗi năm, thời hạn trả tính từ ngày 25/12/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, ông T cho rằng số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 150.000.000đ và yêu cầu bà S phải trả tổng số tiền là 400.000.000đ, trong đó: Tiền mua nợ hàng hoá là 150.000.000đ và 2.500kg cà phê nhân quy ra tiền là 250.000.000đ. Bà S không phản đối và đồng ý trả tổng số tiền 400.000.000đ cho ông T.

[2.3] Các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu S đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 400.000.000đ (trong đó: Tiền mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu là 150.000.000đ và trả 2.500kg cà phê nhân quy ra tiền là 250.000.000đ); ông T đồng ý cho bà S trả 400.000.000đ trong 04 đợt: Đợt 1 trả 30.000.000đ vào ngày 25/12/2025, đợt 2 trả 70.000.000đ vào ngày 25/12/2026, đợt 3 trả 150.000.000đ vào ngày 25/12/2027

và đợt 4 trả 150.000.000đ vào ngày 25/12/2028; bà S đồng ý nếu vi phạm nghĩa vụ trả tiền mỗi đợt thì ông T có quyền yêu cầu thi hành án luôn các đợt tiếp theo; trường hợp không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì bà S đồng ý trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; ông T đồng ý chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận trong bản án.

[3] Đối với yêu cầu trả lãi với số tiền 2.514.000đ (*Hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) do chậm thanh toán tiền mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu, do ông Nguyễn Văn T đã rút nên cần đình chỉ xét xử.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi số tiền 2.514.000đ (*Hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) của ông Nguyễn Văn T.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên toà, cụ thể:

2.1. Về số tiền phải trả: Bà Nguyễn Thị Thu S đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), trong đó: Trả tiền mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và trả 2.500kg cà phê nhân quy ra tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

2.2. Về thời hạn và phương thức trả: Ông Nguyễn Văn T đồng ý cho bà Nguyễn Thị Thu S trả số tiền 400.000.000đ trong 04 đợt như sau:

- Đợt 1: Trả 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) vào ngày 25/12/2025.
- Đợt 2: Trả 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) vào ngày 25/12/2026.
- Đợt 3: Trả 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) vào ngày 25/12/2027.
- Đợt 4: Trả 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) vào ngày 25/12/2028.

2.3. Bà Nguyễn Thị Thu S đồng ý nếu vi phạm nghĩa vụ trả tiền mỗi đợt thì

ông Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thi hành án luôn các đợt tiếp theo. Trường hợp không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì bà S đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T đồng ý chịu án phí vụ án với số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.168.000đ (*Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004332 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Ông Nguyễn Văn T phải nộp 5.832.000đ (*Năm triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm